

XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP PHỤC VỤ HỘI NHẬP

TS Lê Kim Dung

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

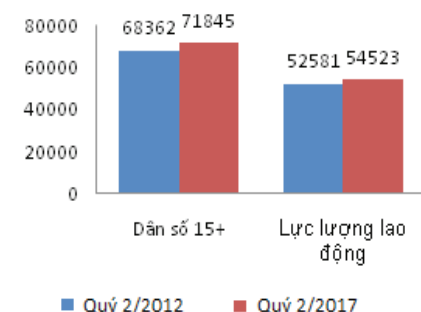
Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam đạt mức 3,79 điểm (thang điểm 10), xếp thứ 11/12 quốc gia châu Á được khảo sát. Trong khi đó, Hàn Quốc đạt 6,91 điểm, Ấn Độ 5,76 điểm, Malaysia 5,59 điểm... Như vậy, vấn đề xây dựng nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng ở nước ta đang là một nhu cầu cấp thiết.

Bài viết chỉ ra một số hạn chế của giáo dục nghề nghiệp làm ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nhân lực, những cơ hội cũng như thách thức, qua đó gợi mở một số giải pháp cho giáo dục nghề nghiệp và chính sách việc làm ở nước ta trong giai đoạn tới.

Thực trạng nguồn lao động của Việt Nam

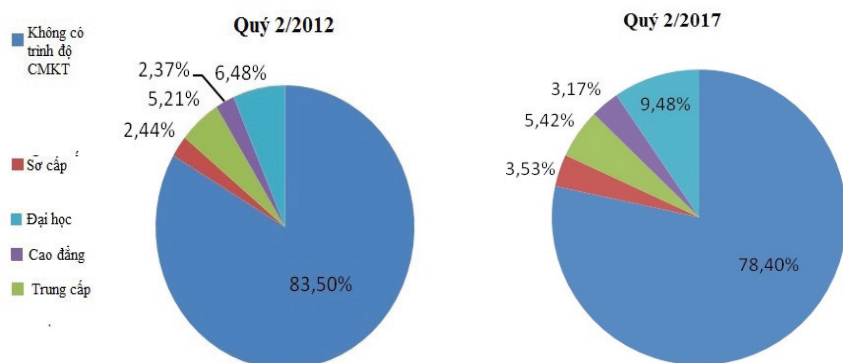
Với dân số ước tính khoảng 94 triệu người vào năm 2018, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 54,61 triệu người, chiếm 58,1%, Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng với nguồn cung lao động dồi dào và ổn định. Dân số từ 15 tuổi trở lên ở Việt Nam vẫn gia tăng (từ quý 2/2012 đến quý 2/2017 dân số tăng hơn 3,4 triệu người), lực lượng lao động trong giai đoạn này vẫn tăng trên 1,9 triệu người và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động vẫn duy trì ở mức ổn định (hình 1).

Đơn vị tính: nghìn người



Hình 1. Dân số 15 tuổi trở lên và lực lượng lao động Việt Nam quý 2/2012 - quý 2/2017.

Nguồn: Điều tra lao động việc làm, Tổng cục Thống kê [1].



Hình 2. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động quý 2/2012 - quý 2/2017.

Nguồn: Điều tra lao động việc làm, Tổng cục Thống kê [1].

Hình 2 cho thấy, lực lượng lao động với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao tăng trong giai đoạn từ quý 2/2012 đến quý 2/2017. Tỷ lệ lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật giảm 5,1%, tỷ lệ lao động trình độ sơ cấp tăng 1,09%, tỷ lệ lao động trình độ trung cấp tăng 0,21%, tỷ lệ lao động trình độ cao đẳng tăng 0,8% và tăng cao nhất là tỷ lệ lao động trình độ đại học (3%).

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực lao động Việt Nam còn hạn chế, trong đó tỷ lệ lao động trong độ tuổi đã qua đào tạo còn thấp, thiếu hụt lao động có tay nghề cao và chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập kinh tế quốc

tế. Khoảng cách giữa giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động ngày càng lớn. Xem xét vấn đề thất nghiệp theo giác độ chuyên môn kỹ thuật cho thấy tỷ lệ thất nghiệp trong số lao động có trình độ cao đang có xu hướng gia tăng.

Theo Bản tin thị trường lao động số 15 [2], tại thời điểm quý 3/2017, số người thất nghiệp có trình độ từ đại học trở lên tăng 4,51% so với quý 2/2017. Xu hướng thất nghiệp gia tăng có nhiều nguyên nhân nhưng điều quan trọng cần chỉ ra là chất lượng đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng chưa cao nên số lao động mới tốt nghiệp không đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của cơ

quan, doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao. Đồng thời, sự chuyển dịch mô hình, cơ cấu kinh tế khiến cho cung và cầu trong lao động thay đổi, trong khi các ngành đào tạo trong nhà trường chưa bắt kịp xu thế sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hệ thống thông tin thị trường lao động chưa phản ánh khách quan, kịp thời sự biến động của thị trường lao động, chưa đưa ra được các dự báo trung và ngắn hạn về thị trường lao động, hoạt động dịch vụ việc làm chưa có hiệu quả đã góp phần làm gia tăng xu hướng này.

Tác động của hội nhập quốc tế - Cơ hội và thách thức

Toàn cầu hóa và hội nhập đang là xu hướng phát triển chủ yếu trong các quan hệ quốc tế trên tất cả các phương diện, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, thông qua các cam kết, hiệp định. Việt Nam đã trở thành các thành viên của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa EU và Việt Nam, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP, các định chế quốc tế sẽ thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, công nghệ và lao động, nhất là lao động có kỹ năng có cơ hội di chuyển trong thị trường lao động của khối AEC. Các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) giữa các nước ASEAN về tiêu chuẩn, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp... là những công cụ quan trọng cho việc tự do di chuyển lao động có chất lượng tốt. Xuất khẩu tăng được xem là yếu tố quan trọng để tạo việc làm^{*}. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp từ nước

ngoài vào Việt Nam cũng góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế và tạo ra hàng triệu công ăn việc làm. Cụ thể, cơ hội, thách thức cho nguồn nhân lực và giáo dục nghề nghiệp thể hiện trên các khía cạnh sau:

Một là, cơ hội lớn trong phát triển giáo dục nghề nghiệp. Hội nhập tạo ra nhiều cơ hội trong việc hợp tác lẫn nhau giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ hội học tập, bồi dưỡng, trao đổi nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, và dự báo có thêm nhiều nguồn đầu tư của nước ngoài vào lĩnh vực này. Người học cũng có thêm nhiều cơ hội hơn trong học tập, tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm việc làm sau khi hoàn thành việc học tập, đào tạo bởi thị trường lao động giờ đây là khu vực và thế giới. Văn bằng, chứng chỉ cho quá trình đào tạo của người học không chỉ bó hẹp như trước mà còn có điều kiện để được chấp nhận bởi nhiều nước trên thế giới.

Với lợi thế về lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ, Việt Nam sẽ trở thành điểm đến của dòng chảy đầu tư quốc tế, giúp tăng những dự án đầu tư mang tính tiên phong về công nghệ hoặc quy mô lớn, giúp thu hẹp khoảng cách về năng suất lao động, tăng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, cùng với nâng cao trình độ quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, góp phần tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động...

Hai là, thách thức đặt ra cho việc xây dựng nguồn nhân lực là thu hút lao động chất lượng cao từ các nước đến làm việc, bù đắp sự thiếu hụt lao động chất lượng cao và gia tăng năng suất lao động giúp cho nền kinh tế giảm khoảng cách so với các nền kinh tế khác trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, tính cạnh tranh trong thị trường nhân lực sẽ rất cao, trong khi mức độ sẵn sàng của giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam còn

chưa cao. Cạnh tranh giữa nước ta với các nước trên thế giới trong việc cung cấp nguồn lao động chất lượng cao ngày càng gia tăng, đòi hỏi chất lượng giáo dục nghề nghiệp phải được cải thiện đáng kể theo hướng tiếp cận các chuẩn mực của khu vực và thế giới nhằm tăng cường khả năng công nhận văn bằng, chứng chỉ giữa Việt Nam và các nước khác. Thêm vào đó, vấn đề già hóa dân số sẽ làm cho lợi thế lực lượng lao động trẻ mất dần đi theo thời gian. Nền kinh tế với nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề từ hiện tượng biến đổi khí hậu cũng sẽ khiến một số ngành suy giảm mạnh. Đây cũng là những vấn đề Việt Nam cần quan tâm trong việc chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực nghề nghiệp và tăng khả năng hòa nhập của học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp trong môi trường lao động mới (tiếng Anh và tác phong công nghiệp; khả năng thích ứng với thay đổi, kỹ năng thực hành).

Ba là, cạnh tranh về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ diễn ra mạnh mẽ. Trên bình diện thế giới, khu vực và quốc gia, việc mở ra khả năng di chuyển lao động giữa các nước đòi hỏi người lao động phải có kỹ năng nghề cao, có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với những tiêu chuẩn, tiêu chí do thị trường lao động xác định. Theo các chuyên gia của WB, sự chuẩn bị kiến thức, kỹ năng, thái độ và tâm lý để sẵn sàng di chuyển sang làm việc tại các nước ASEAN của lao động Việt Nam là chưa cao.

Bốn là, năng suất, chất lượng của lao động Việt Nam vẫn thấp và không đồng đều. Khoa học và công nghệ vẫn chưa thực sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có giải pháp đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và thu hút đầu tư tư nhân cho nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học, công nghệ. Chuyển

^{*}Sau khi ký kết Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2001, với sự bùng nổ về xuất khẩu sang thị trường Mỹ khiến mức lương của lao động phổ thông tăng, làm giảm lợi thế về kỹ năng, và là động lực chính để giảm nghèo ở Việt Nam vì tập trung vào các lĩnh vực sản xuất trình độ thấp, thâm dụng lao động, đặc biệt là ngành dệt may (Fukase, 2013, McCaig, 2011).

dịch cơ cấu lao động còn chậm, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao; chất lượng lao động thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo chung mới đạt 51,6%, trong đó đào tạo từ 3 tháng trở lên (có bằng cấp, chứng chỉ) mới đạt khoảng 21,9%...

Một số giải pháp đề xuất

Như vậy, cơ hội so với thách thức là ít. Vì thế, phát triển nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo việc làm là một yêu cầu cấp thiết. Để giải quyết thực trạng này, chúng ta cần quan tâm một số vấn đề quan trọng sau:

Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo nghề: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đẩy mạnh đào tạo kỹ năng, năng lực thực hành cho người học; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng nguồn lực cho phát triển giáo dục nghề nghiệp, trong đó nguồn ngân sách nhà nước giữ vị trí chủ đạo. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, rà soát tổng thể đội ngũ nhà giáo trong giáo dục nghề nghiệp (gồm cả giáo viên trong các trường trung cấp, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng) để thực hiện chuẩn hóa và xây dựng lộ trình chuẩn hóa, đáp ứng mục tiêu đào tạo nghề đến năm 2020. Đẩy nhanh việc xây dựng các chuẩn đầu ra dựa trên tiêu chuẩn nghề phù hợp với Khung trình độ quốc gia, trước mắt tập trung vào các nghề trọng điểm có trong danh mục của Hội thi tay nghề ASEAN, rà soát và điều chỉnh việc xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp, theo hướng linh hoạt, tăng tính thực hành. Lựa chọn các nước thành công trong phát triển dạy nghề để tổ chức tiếp nhận và sử dụng đồng bộ chương trình, giáo trình dạy nghề phù hợp với thị trường lao động Việt Nam cho các nghề trọng điểm cấp

độ khu vực và quốc tế. Tiếp tục xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề, ưu tiên tập trung các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia; rà soát, chỉnh sửa các danh mục thiết bị đã ban hành theo hướng tiếp cận với các nước trong khu vực; áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo chuẩn khu vực, quốc tế.

Phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng: rà soát, thống nhất các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; xây dựng các cơ chế, quy định về đảm bảo chất lượng; các cơ chế, quy định về phát triển hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề, tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại nghề cho người lao động của doanh nghiệp. Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành, nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động hàng năm cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục dạy nghề: xây dựng các sản phẩm tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong nhà trường phổ thông, giới thiệu việc làm trong trường nghề.

Hợp tác quốc tế trong đào tạo dạy nghề: tiếp tục hợp tác với Hàn Quốc, Đức, Italia và Nhật Bản trong triển khai các dự án ODA đã ký kết. Thực hiện đàm phán với các nhóm nước trong ASEAN để tiến tới công nhận văn bằng, chứng chỉ và kỹ năng nghề giữa các nước. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với

các cơ sở đào tạo ở nước ngoài; hợp tác nghiên cứu khoa học; thu hút các nhà đầu tư nước ngoài phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hợp tác đào tạo, mở văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Quan tâm tới vấn đề việc làm: phát triển thị trường lao động giai đoạn đến năm 2020 phải chú trọng kết hợp giữa chiến lược phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, hướng về xuất khẩu với chiến lược tập trung vào nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ. Thúc đẩy thực hiện cơ chế thương lượng, thỏa thuận về tiền lương nhằm đảm bảo tiền lương thực tế được trả đúng theo cơ chế thị trường, đồng thời phù hợp với sự đóng góp của người lao động vào quá trình tăng trưởng. Thúc đẩy quá trình tự do lựa chọn việc làm và dịch chuyển lao động (dịch chuyển dọc theo các cấp trình độ, dịch chuyển ngang giữa các thành phần sở hữu, khu vực, vùng và quốc tế) đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng của thị trường lao động (hướng nghiệp, dịch vụ việc làm, thông tin và dự báo thị trường lao động) và tổ chức cung cấp các dịch vụ công về việc làm có hiệu quả. Hỗ trợ các nhóm yếu thế trong thị trường lao động, đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động trong khi làm việc và chuyển đổi việc làm... ✍

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tổng cục Thống kê (2012-2017), *Điều tra lao động việc làm*.

[2] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2017), *Bản tin thị trường lao động số 15, quý 3*.